

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 05/5/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Vũ,
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ An Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 619/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2019 về việc “**Tranh chấp ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Bạch L**, sinh năm 1975.

ĐKTT: 387X đường T, tổ 5, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông **Trần Công B**, sinh năm 1973.

ĐKTT: 387X đường T, tổ 5, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà L trình bày:

Qua tìm hiểu bà và ông B quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999, nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống có thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2005, giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do ông B có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà đã nhiều lần khuyên can, ông B cũng có hứa thay đổi nhưng thật ra vẫn tiếp tục mối quan hệ bất chính từ đó đến nay. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm đối với ông B

không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nên bà có đơn xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Nguyễn Liên C (nữ), sinh ngày 28/4/2002 và Trần Nguyễn Phương L1 (nữ), sinh ngày 31/5/2006. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Trần Công B: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông B theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà :

Ông B vắng mặt.

Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và trình bày như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo thủ tục tố tụng về việc cấp, tổng đạt các thông báo cho bị đơn, Tòa án đã niêm yết công khai các thông báo về việc xét xử vụ án tại nơi ông B đăng ký hộ khẩu thường trú và trụ sở Ủy ban nhân phường An Khánh theo đúng quy định. Nay, căn cứ vào Điều 179, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông B là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà L và ông B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của nguyên đơn cho thấy ông B thiếu sự chung thủy trong hôn nhân dẫn đến bất hòa, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Sự việc diễn ra từ năm 2005 và kéo dài đến nay nhưng cả hai không có biện pháp tháo gỡ nhằm cải thiện mâu thuẫn. Nay dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng ông B vẫn không có mặt, cho thấy ông không còn sự quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Phía bà L vẫn cương quyết xin được ly hôn, điều này cho thấy đời sống hôn nhân của ông bà đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] Về con chung: Cháu Trần Nguyễn Liên C, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Cháu Trần Nguyễn Phương L1, có bản tự khai thể hiện nguyện vọng là được tiếp tục sống với mẹ, do vậy đây là căn cứ để giao cháu L1 cho bà L nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà L không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 179, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Nguyễn Thị Bạch L** đối với ông **Trần Công B**.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Phương L1, sinh ngày 31/5/2006 cho bà Nguyễn Thị Bạch L trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông B theo luật định, không ai có quyền ngăn cản

3/ Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí Bà L đã nộp theo biên lai thu số 001848 ngày 04/10/2019 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận NK;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND p M;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ